TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH K HÒA

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 7/8/2019
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lệ
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Tiến Thành
  Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Đạt - Cán bộ Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa*: Ông Lê Hoàng A - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 242/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐHPT-ST ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị M, sinh năm 1985
Trú tại: Số 3 T, đường N, phường V, tỉnh K
Địa chỉ: Xóm C 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh B
Vắng mặt (Có Đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn*: Ông Bùi Tá K, sinh năm 1982
Trú tại: Số 3 T, đường N, phường V, tỉnh K
Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản họp xét chứng cứ và hòa giải nguyên đơn, bà Trần Thị M trình bày*: Bà và ông Bùi Tá K kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, bà đã bỏ đi làm ăn xa, từ đó đến nay vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm. Nhận thấy không còn tình cảm gì đối với ông K nên bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông K có hai con chung là Bùi Ngọc A, sinh 26/01/2005 và Bùi Thiên H, sinh ngày 14/5/2007. Hiện nay, hai con chung đang ở với ông K và học tại thành phố Nha Trang. Vì muốn hai con chung có cuộc sống ổn định, đảm bảo việc học tập của các con chung được thuận lợi, bà yêu cầu giao con chung cho ông K trực tiếp nuôi. Bà không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết
- Nợ chung: Không có

* Bị đơn, ông Bùi Tá K vắng mặt nên tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập ông Bùi Tá K đến tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm (lần 2), ông K vẫn vắng mặt. Ngày 28/6/2019, nguyên đơn, bà Trần Thị M có Đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung*: Ông Bùi Tá K và bà Trần Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 6/3/2004 (số 51). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà M xin ly hôn với lý do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, bản thân không còn tình cảm gì với ông K.

Phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang kết luận, có đủ cơ sở để tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến tòa án để làm việc, ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, đến thời điểm này bị đơn vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M và ông K đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà M xin ly hôn ông K là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Bà M đều xác định bà và ông K có hai con chung là Bùi Ngọc A, sinh 26/01/2005 và Bùi Thiên H, sinh ngày 14/5/2007. Các con chung hiện đang ở với ông K. Theo Biên bản xác minh ngày 31/7/2019 được Công an phường Vĩnh Hải xác nhận thì hai con chung của ông K bà M hiện đang ở với ông Bùi Tá K tại địa chỉ 49 Đ, phường V, thành phố N. Xét thấy ông K là người đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và việc giao con chung cho ông K trực tiếp nuôi sẽ đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho ông Bùi Tá K trực tiếp nuôi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung và tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn về việc có yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con hay không, nên Hội đồng xét xử quyết định, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với nguyên đơn. Nếu sau này

các bên có trA chấp về việc thay đổi người nuôi con chung hoặc/và cấp dưỡng nuôi con chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Bà Trần Thị M phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

* *Tuyên xử*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; bà Trần Thị M được ly hôn ông Bùi Tá K.

- Giao hai con chung là Bùi Ngọc A, sinh 26/01/2005 và Bùi Thiên H, sinh ngày 14/5/2007 cho ông Bùi Tá K trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Trần Thị M.

Bà M được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở

- Về án phí: Bà Trần Thị M phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà M đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0011256 ngày 18/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Lệ

* **Nơi nhận**:
- VKSND TP.Nha Trang
- VKSND tỉnh K Hòa
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Chi cục THADS TP.Nha Trang;
- UBND TT. Lục Nam (*Số 51, ngày 6/3/2004)*
- Các đương sự;
- Lưu